

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2021
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Mười.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Đàm Chí Thân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.
- Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2021/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”
- Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:** Chị Tống Thị S, sinh năm: 1991
Địa chỉ: Khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*
- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. *Vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Tống Thị S trình bày:
Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16 tháng 10 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu 2,

phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không hòa thuận, hạnh phúc không hợp nhau về tính cách, bất đồng nhau trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Chị và anh P kết hôn đã lâu nhưng không có con nên vợ chồng chán nản. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn P không có con chung

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn P không có tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn P nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị S đã có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh P vắng mặt không có lý do.

Ngày 14/5/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị S và anh P cư trú thấy: Sau khi kết hôn chị S và anh P chung sống cùng nhau tại khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống chị S và anh P hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Ngoài ra do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con nên vợ chồng chán nản. Hiện tại chị S và anh P đã sống ly thân nhau mỗi người sống một nơi.

Tại biên bản làm việc ngày 14/5/2021 bà Đồng Thị M là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn P cung cấp: Chị S và anh P kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường P. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ tại khu 2, phường P, thị xã Q. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng kết hôn lâu nhưng không có con chung. Chị S và anh P đã ly thân từ năm 2018 mỗi người sống một nơi. Ngoài ra bà cung cấp hiện nay anh P đang cư trú cùng bố mẹ tại khu 2, phường P, thị xã Q nhưng do đi làm công nhân không có thời gian nên không đến Tòa án làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Ngô Thị L cho biết: Bà là bác dâu của anh P, bà sống ở cạnh nhà anh P. Bà cho biết khoảng năm 2018 thì chị S và anh P xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly

thân từ năm 2018 đến nay mỗi người sống một nơi. Gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhiều lần nhưng chị S và anh P không khắc phục được mâu thuẫn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa theo đúng quy định.

- Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành pháp luật gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Tổng Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền xét xử của Tòa án:** Chị Tổng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P có địa chỉ tại khu 2, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- **Về việc xét xử vắng mặt đương sự:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Chị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, phù hợp quy định tại các điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về tình cảm: Chị Tổng Thị S và anh Nguyễn Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16 tháng 10 năm 2013. Do vậy hôn nhân của chị Tổng Thị S và anh Nguyễn Văn P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống chị S và anh P hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh P và chị S đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, chị S đã về nhà bố mẹ đẻ sống, không ai quan tâm tới ai. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được

ly hôn anh Nguyễn Văn P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P nhiều lần nhưng anh P vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân của chị S và anh P đã ở mức độ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị S khởi kiện xin ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Tống Thị S và anh Nguyễn Văn P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Tống Thị S và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Tống Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị S và anh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tống Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai số 0001776 ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q. Chị S đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tổng Thị S và anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- CCTHADS TX Q;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Đàm Chí Thân

Vũ Công Mười

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Chương Vũ Công Soạn

Vũ Công Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Quảng Yên;
- CCTHADS TX Quảng Yên;
- UBND phường Nam Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Công Mười